TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/ HNGĐ – ST
Ngày: 08/11/2018
V/v *" Tranh chấp hôn nhân*
Và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Trí
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư - Cán bộ TAND huyện Thanh Bình.

Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Vào ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 243/2018/ TLST – HNGĐ ngày 05/10/2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX- ST ngày 24 tháng10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Vũ Xuân M, sinh năm: 1989 (Vắng mặt có lý do)
Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phạm Trường M, sinh năm: 1984 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện B, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2018, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Huỳnh Vũ Xuân M trình bày: Chị M với anh M tự tìm hiểu và tổ chức đám cưới chung sống với nhau vào ngày 20/10/2015, không có đăng ký kết hôn. Việc chị với anh M chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối.

Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng ý kiến, vợ chồng không quan tâm nhau và thường xuyên cự cải nhau nên chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột chi sinh sống và chị M ly thân với anh M vào ngày 18/12/2017. Từ khi ly thân chị với anh M có gặp nhau để hàn gắn tình cảm sống chung với nhau nhưng không đoàn tụ chung sống lại với nhau được. Nay chị M yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với anh M.

Về con chung: Không có, về tài sản chung: Tự thỏa thuận, về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Trường M trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị M, về tình cảm anh M với chị M tự tìm hiểu và tổ chức đám cưới chung sống với nhau vào ngày 20/10/2015, không có đăng ký kết hôn. Việc anh với chị M chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng ý kiến, vợ chồng không quan tâm nhau và thường xuyên cự cải nhau nên chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột chi sinh sống nên anh M với chị M ly thân vào ngày 18/12/2017. Từ khi ly thân anh, chị có gặp nhau để hàn gắn tình cảm sống chung với nhau nhưng không đoàn tụ chung sống lại với nhau được. Nay anh thống nhất yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với chị M.

Về con chung: Không có, về tài sản chung: Tự thỏa thuận, về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Do chị M yêu cầu được chấp dứt mối quan vợ chồng với anh Phạm Trường M. anh M cũng thống nhất nhưng do hôn nhân của chị M, anh M không có đăng ký kết hôn. Ngày 24 tháng 10 năm 2018 Tóa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST – HNGĐ, vụ án được xét xử vào lúc 7 giờ 30 ngày 08 tháng 11 năm 2018, Nguyên đơn chị M có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do. Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 171; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Giữa chị M với anh M chung sống với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Anh, chị sống hạnh phúc và đến ngày 18 tháng 12 năm 2018 ly thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay anh, chị có gặp nhau để hàn gắn sống chung lại với nhau nhưng không đoàn tụ chung sống cùng nhau được. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả người, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới mang lại hạnh phúc. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị M với anh M làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M, anh M chung sống với nhau từ năm 2015, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Vũ Xuân M với anh Phạm Trường M là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

- Về con chung: Chị M với anh M chung sống với nhau không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận ; về nợ chung: không nợ ai, cũng không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Anh M không chịu án phí hôn nhân và gia đình

Chị M, anh M có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 171, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Vũ Xuân M với anh Phạm Trường M.

2. Về con chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Về nợ chung: Anh, chị không nợ ai, không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số BG/2017 0004372 ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị M không phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ hôm nay tuyên án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 ,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh

*** Nơi nhận:**

- *Tòa án tỉnh ĐT*
- *VKS huyện TB*
- *THADS Huyện TB*
- *Đương sự*
- *Lưu Hồ sơ & Văn Phòng*
- *UBND xã T*
- *UBND thị trấn Thanh Bình*